TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:16/2022/HNGĐ-ST
Ngày:29/7/2022
V/v:Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nước

Ông Phạm Phi Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Kiên Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (tên thường gọi Kim Quyên). Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày:*Bà với ông Nguyễn Văn L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn ngày 04- 01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã Long H, thị xã Duyên Hải. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, dẫn đến vợ chồng bà sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông L, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn L; Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 14-02-2002 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 24-01-2012. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi con Nguyễn Phú T,

không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Thị Mỹ X đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông L không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông Nguyễn Văn L cũng được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia các phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày của ông Nguyễn Văn L trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị N tiến tới hôn nhân với ông Nguyễn Văn L năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long H, thị xã Duyên Hải ngày 04/01/2017 trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không còn hợp nhau, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hai vợ chồng quyết định ly thân nhau đến nay đã 09 năm. Mặc khác, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N, thể hiện rõ ông không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, ông L và bà N đã ly thân trên 9 năm được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thật. Do đó yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 14/02/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nguyễn Phú T, sinh ngày 24/01/2012 hiện đang sống chung với bà N nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi bà N với ông L ly thân đến nay cháu Trọng do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Trọng là được sống chung với mẹ. Do đó nghĩ nên giao cháu Nguyễn Phú T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí bà N chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn L. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà N là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long H vào năm 2017, như vậy hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2013, xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn, ông L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở đi làm thuê không quan tâm lo lắng đến bà N bỏ mặc vợ chồng. Bà N đã trực tiếp gặp ông L để hàn gắn giải quyết mâu thuẫn, ông L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Về phía ông L đã được Tòa án trực tiếp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N và ông L biết rõ vợ mình đang yêu cầu ly hôn với mình, nhưng vẫn không lên Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có thể thấy rằng ông L đã không còn tha thiết gì với mối quan hệ hôn nhân này. Từ cơ sở phân tích trên xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa bà N và ông L.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 14-02-2002 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 24-01-2012. Bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con Phú Trọng. Xét thấy cháu Phú Trọng có nguyện vọng được sống với bà N. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phú Trọng cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Đối với con Nguyễn Thị Mỹ X đã trưởng thành bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Cho bà Nguyễn Thị N ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phú T, sinh ngày 24-01-2012 cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Phú T).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Phú T, nên không xét đến.

4.Về tài sản, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

5.Về án phí: Buộc Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008162 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã Long H;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trưng